

KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI QUYỀN NHÂN THÂN

TS. BÙI ĐĂNG HIẾU *

Điều 24 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005 quy định: “*Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”. Quy định này đã nêu lên khái niệm về quyền nhân thân thông qua hai đặc điểm cơ bản là gắn liền với cá nhân và không chuyển dịch. Nếu chỉ dừng lại ở những đặc điểm đó thì khái niệm quyền nhân thân sẽ vướng phải một số bất cập nhất định sau đây:

Thứ nhất, hai đặc điểm nêu trên thực sự chưa đủ để phân biệt quyền nhân thân với các quyền dân sự khác, bởi lẽ có một số quyền tài sản cũng mang đủ hai đặc điểm này. Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định rằng quyền được cấp dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng cũng được gắn liền với những cá nhân nhất định như giữa cha mẹ và con, giữa anh chị em với nhau, giữa ông bà và cháu, giữa vợ và chồng. Quyền yêu cầu cấp dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng các quyền, nghĩa vụ khác và “*không thể chuyển giao cho người khác*” (Điều 50 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Quyền này là quyền tài sản chứ không phải là quyền nhân thân. Điều 309 BLDS năm 2005 quy định một số quyền tài sản không chuyển giao cho người khác như “*quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu bồi thường thiệt hại*

do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín”. Các quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại này phát sinh khi các quyền nhân thân của cá nhân bị xâm phạm, đây là quyền tài sản nhưng cũng gắn liền với cá nhân người bị thiệt hại và không dịch chuyển được cho chủ thể khác.

Thứ hai, Điều 24 BLDS năm 2005 quy định quyền nhân thân là quyền “*gắn liền với mỗi cá nhân*”, vậy các chủ thể khác (như pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác) có các quyền nhân thân của mình không? Điều 604 và Điều 611 BLDS năm 2005 có đề cập “*danh dự, uy tín của pháp nhân, chủ thể khác*”, đây có được coi là quyền nhân thân của pháp nhân và các chủ thể khác không? Điều 1 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28/04/2004 và Điều 1 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/07/2006 đều quy định giống nhau: “*Thiệt hại do tôn thất về tinh thần của pháp nhân và các chủ thể khác không phải là pháp nhân (gọi chung là tổ chức) được hiểu là do danh dự, uy tín bị xâm phạm, tổ chức đó bị giam giữ hoặc mất đi sự tin nhiệm, lòng tin... vì bị hiểu nhầm và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tôn thất mà tổ chức phải chịu*”. Các quy định đó thừa nhận quyền nhân thân đối với

* Trường Đại học Luật Hà Nội

pháp nhân và các chủ thể khác.

Từ phân tích trên cho thấy khái niệm quyền nhân thân nên được mở rộng không những gắn với cá nhân mà với cả các chủ thể khác. Ngoài đặc điểm được nêu tại Điều 24 BLDS năm 2005, nên bổ sung thêm một số đặc điểm nữa (là giá trị tinh thần, không định giá được...) để phân biệt quyền nhân thân với các quyền dân sự khác. Từ đó có thể xây dựng khái niệm quyền nhân thân như sau: Quyền nhân thân là quyền dân sự gắn với đời sống tinh thần của mỗi chủ thể, không định giá được bằng tiền và không thể chuyển giao cho chủ thể khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

BLDS năm 2005 liệt kê các quyền nhân thân (từ Điều 26 đến Điều 51), bao gồm: Quyền đối với họ tên; quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với hình ảnh; quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người; quyền xác định lại giới tính; quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền kết hôn, quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình; quyền ly hôn; quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con; quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi; quyền đối với quốc tịch; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do đi lại, tự do cư trú; quyền lao động, quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo. Điều 738 và Điều 751 BLDS năm 2005 còn quy định thêm một số quyền nhân thân như:

Quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm; quyền đứng tên tác giả trong văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng.

Các quyền nhân thân này có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau, mỗi tiêu chí thể hiện một khía cạnh pháp lý đặc thù. Thông qua các cách phân loại này chúng ta sẽ hiểu được rõ nét hơn bản chất pháp lý của từng loại quyền nhân thân, từ đó nhận diện được chính xác các hành vi xâm phạm và đề ra được phương thức bảo vệ thích hợp nhất. Sau đây chúng tôi sẽ trình bày sáu cách phân loại các quyền nhân thân và ý nghĩa của từng cách phân loại đó.

Thứ nhất, dựa vào căn cứ phát sinh mà các quyền nhân thân có thể phân thành nhóm các quyền nhân thân không gắn với tài sản và nhóm các quyền nhân thân gắn với tài sản. Phân loại này được thể hiện tại khoản 1 Điều 15 BLDS năm 2005. Các quyền nhân thân không gắn với tài sản được quy định từ Điều 26 đến Điều 51 BLDS năm 2005. Các quyền nhân thân không gắn với tài sản này được công nhận đối với mọi cá nhân một cách bình đẳng và suốt đời, không phụ thuộc vào bất cứ hoàn cảnh kinh tế, địa vị hay mức độ tài sản của người đó. Các quyền nhân thân này thể hiện giá trị tinh thần của chủ thể, luôn gắn với chính bản thân người đó và không dịch chuyển được sang chủ thể khác.

Ngược lại, các quyền nhân thân gắn với tài sản chỉ được xác lập cùng với sự hình thành của tài sản trí tuệ (như tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sáng chế, kiểu dáng, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng...). Đây là quyền nhân thân của chủ thể đối với tài sản trí tuệ mà người đó sáng tạo ra. Các quyền nhân thân này được quy định tại khoản 2 Điều 738 và mục a khoản 1 Điều 751 BLDS năm 2005. Trong số các quyền này có một quyền chuyển giao được sang cho chủ thể khác - đó là quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm (theo quy định tại khoản 1 Điều 742 BLDS năm 2005).

Việc phân loại này giúp chúng ta định hình rõ căn cứ và thời điểm xác lập các quyền nhân thân. Mỗi chủ thể đều được công nhận một cách vô điều kiện các quyền nhân thân không gắn với tài sản. Tuy nhiên, để được thừa nhận các quyền nhân thân gắn với tài sản thì chủ thể đó phải chứng minh được sự tồn tại của loại tài sản trí tuệ do chính mình sáng tạo ra. Nếu không có tài sản đó thì không phát sinh các quyền nhân thân của chủ thể có liên quan.

Thứ hai, dựa vào chủ thể mang quyền mà các quyền nhân thân có thể được phân thành hai nhóm là: Nhóm các quyền nhân thân của cá nhân và nhóm các quyền nhân thân của các chủ thể khác (không phải là cá nhân). Các quyền nhân thân của cá nhân bao gồm các quyền nhân thân được quy định từ Điều 26 đến Điều 51 BLDS năm 2005 và các quyền nhân thân gắn với tài sản được quy định tại Điều 738 BLDS năm 2005. Các quyền nhân thân của pháp nhân, hộ gia đình,

tổ hợp tác bao gồm: Quyền được bảo vệ danh dự, uy tín (được đề cập tại Điều 604 và Điều 611 BLDS năm 2005). Theo chúng tôi, có thể thừa nhận thêm một số quyền nhân thân của pháp nhân như quyền đối với tên gọi, quyền tự do kinh doanh đối với các chủ thể có đăng kí kinh doanh.

Việc phân loại này giúp chúng ta nhận diện được chính xác nội dung năng lực pháp luật của từng chủ thể khi tham gia vào các quan hệ dân sự. Mặc dù chỉ là chủ thể hư cấu, chỉ có ý nghĩa về mặt pháp lí nhưng pháp nhân, hộ gia đình và tổ hợp tác cũng có "đời sống tinh thần" của riêng mình, có những giá trị phi vật chất, không định giá được và không thể chuyển giao được cho chủ thể khác. Các giá trị đó cần phải được bảo vệ khỏi sự xâm phạm bất hợp pháp.

Thứ ba, dựa vào đối tượng của quyền mà các quyền nhân thân được phân thành 5 nhóm sau đây:

1) Nhóm các quyền cá biệt hoá chủ thể bao gồm: Quyền đối với họ tên; quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với hình ảnh; quyền xác định lại giới tính; quyền đối với quốc tịch.

2) Nhóm các quyền liên quan đến thân thể của cá nhân bao gồm: Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người.

3) Nhóm các quyền liên quan đến giá trị tinh thần của chủ thể bao gồm: Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền

tự do đi lại, tự do cư trú; quyền lao động; quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo.

4) Nhóm các quyền liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình của cá nhân bao gồm: Quyền kết hôn, quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình; quyền li hôn; quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con; quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi;

5) Nhóm các quyền đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: Quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm hay trên văn bằng bảo hộ (đối với sáng chế, kiểu dáng, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng), quyền được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm.

Trong phân loại này, mỗi nhóm nêu trên có những đặc điểm pháp lý riêng biệt. Nhóm các quyền cá biệt hoá chủ thể được thể hiện dưới hình thức các công cụ cá biệt hoá khác nhau ở mỗi chủ thể (mỗi người có tên gọi, hình ảnh và các yếu tố lý lịch khác nhau). Tập hợp các công cụ cá biệt hoá đó ở mỗi chủ thể sẽ cho ta sự hình dung bên ngoài về chủ thể đó khác biệt với các chủ thể khác. Quyền "thể hiện mình" được bảo vệ một cách tuyệt đối trước sự xâm phạm của bất kỳ chủ thể khác và được bảo vệ theo yêu cầu của chủ thể có quyền.

Thân thể của mỗi cá nhân không phải là

tài sản, mà thuộc về nhân thân của cá nhân đó. Các quyền liên quan đến thân thể của cá nhân được bảo vệ một cách giống nhau ở mọi cá nhân (tính mạng, sức khoẻ, thân thể của mỗi cá nhân đều được bảo vệ như nhau và đều là vô giá mà không phụ thuộc vào giới tính hay địa vị xã hội) và được bảo vệ một cách tuyệt đối khỏi sự xâm phạm của bất kỳ chủ thể khác, bất kể chủ thể quyền có yêu cầu hay không yêu cầu được bảo vệ.

Nhóm quyền nhân thân liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình được chia thành hai phân nhóm là: nhóm các quyền tạo lập gia đình (quyền kết hôn, quyền li hôn, quyền nhận nuôi và được nhận làm con nuôi) và nhóm quyền giữa các thành viên trong gia đình (quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình). Các quyền thuộc phân nhóm thứ nhất được bảo vệ một cách tuyệt đối khỏi sự xâm phạm của bất kỳ chủ thể khác. Còn các quyền thuộc phân nhóm thứ hai chỉ được bảo vệ một cách tương đối khỏi sự xâm phạm của các thành viên khác trong chính gia đình đó mà thôi. Các quyền này được xác lập một cách khác nhau ở từng chủ thể, phụ thuộc vào hoàn cảnh gia đình của người đó (đã lập gia đình chưa, có con cái hay không) và phụ thuộc vào địa vị của người đó trong gia đình (là con hay cha, là chồng hay vợ). Các quyền này có thể chấm dứt khi các chủ thể trong gia đình không còn nữa.

Nhóm các quyền nhân thân liên quan đến các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ mang đặc điểm của quyền nhân thân gắn với tài sản và được bảo hộ phụ thuộc vào đặc điểm riêng của từng đối tượng sở hữu trí tuệ.

Thứ tư. dựa vào thời hạn bảo hộ mà các quyền nhân thân được phân loại thành hai nhóm: Nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ vô thời hạn và nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ có thời hạn.

Nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ vô thời hạn bao gồm: Quyền đối với họ tên; quyền đối với hình ảnh; quyền được bảo vệ danh dự, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm.

Nhóm các quyền nhân thân được bảo hộ có thời hạn bao gồm: Quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khoẻ, thân thể; quyền được bảo vệ nhân phẩm; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người; quyền xác định lại giới tính; quyền kết hôn, quyền bình đẳng vợ chồng; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình; quyền li hôn; quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con; quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi; quyền đối với quốc tịch; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do di lại, tự do cư trú; quyền lao động, quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo; quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm.

Việc phân loại này có ý nghĩa đối với việc bảo vệ quyền nhân thân khỏi sự xâm phạm. Các quyền nhân thân thuộc nhóm vô

thời hạn được pháp luật bảo hộ vĩnh viễn. Khi chủ thể không còn nữa thì những người có liên quan được quyền yêu cầu bảo vệ khi có hành vi xâm phạm. *Ví dụ:* Nếu có người tung tin thất thiệt làm tổn hại đến danh dự của người đã khuất thì những người thân thích của người đó vẫn có quyền yêu cầu chấm dứt hành vi xâm hại và bồi thường thiệt hại. Ngược lại, các quyền nhân thân thuộc nhóm có thời hạn thì chỉ được pháp luật bảo hộ khi chủ thể đó còn sống. Bởi lẽ, khi cá nhân chết đi thì các quyền nhân thân thuộc nhóm này hoặc không thể thực hiện được nữa hoặc không thể bị xâm phạm nữa. Riêng thời hạn bảo hộ quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm được quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005. Đặc biệt, quyền được khai tử của cá nhân chỉ được thực hiện khi cá nhân đó chết đi. Trình tự và thời hạn khai tử được thực hiện theo quy định riêng của pháp luật.

Đối với các quyền thuộc nhóm vô thời hạn, chúng ta nên lưu ý phân biệt giữa việc thực hiện quyền yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm với việc thực hiện quyền công bố, cho phép sử dụng các thông tin của cá nhân. Sau khi một người chết đi thì những người thân thích được quyền yêu cầu chấm dứt các hành vi xâm phạm đến họ tên, hình ảnh, danh dự, uy tín, bí mật đời tư, tên trên tác phẩm, xâm phạm toàn vẹn tác phẩm của người đó. Tuy nhiên, khác với chính chủ thể quyền nhân thân, những người thân thích không được quyền thay đổi tên gọi, thay đổi nội dung tác phẩm. Các thông tin cá nhân (bí mật đời tư hay tác phẩm chưa được công bố)

mà khi còn sống người đó không muốn tiết lộ (vì lí do hết sức riêng tư) thì sau khi người đó qua đời những người thân thích cũng không được quyền công bố. Điều này thể hiện sự tôn trọng đối với cá nhân đã khuất. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 38 BLDS năm 2005 quy định những người thân thích được quyền cho phép thu thập, công bố bí mật đời tư của cá nhân sau khi cá nhân đó chết đi. Với quy định này thì liệu mỗi người có thể yên tâm không khi biết rằng mọi bí mật đời tư của mình sẽ được người khác biết khi mình chết? Cũng như vậy đối với các tác phẩm mà tác giả không muốn công bố vì được sáng tác dành riêng cho người nào đó thì sau này cũng sẽ được công bố rộng rãi ngoài mong muốn của tác giả.

Thứ năm, dựa vào đặc điểm của hành vi xâm phạm mà chúng ta phân loại các quyền nhân thân thành ba nhóm: 1) Nhóm các quyền mà hành vi xâm phạm tác động vào chính chủ thể quyền; 2) Nhóm các hành vi xâm phạm tác động vào các chủ thể khác (không phải là chủ thể quyền); 3) Nhóm các hành vi xâm phạm tác động vào vật phẩm liên quan đến quyền.

Nhóm các quyền mà hành vi xâm phạm tác động vào chính chủ thể quyền bao gồm: Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khoẻ, thân thể; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người; quyền xác định lại giới tính; quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền được bảo vệ nhân phẩm, các quyền nhân thân liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình; quyền tự do tín

ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do đi lại, tự do cư trú; quyền lao động, quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo.

Nhóm các hành vi xâm phạm tác động vào các chủ thể khác (không phải là chủ thể quyền) bao gồm: Quyền được bảo vệ danh dự, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền đối với họ tên; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

Nhóm các hành vi xâm phạm tác động vào vật phẩm liên quan đến quyền bao gồm: Quyền đối với họ tên; quyền đối với hình ảnh; quyền bí mật đời tư; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền đối với quốc tịch; quyền bí mật đời tư; quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm.

Việc phân loại dựa trên đặc điểm của hành vi xâm phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện và chứng minh hành vi xâm phạm. Khi nộp đơn yêu cầu cơ quan nhà nước bảo vệ trước những hành vi xâm phạm quyền nhân thân của mình thì chủ thể quyền phải chỉ ra được các hành vi xâm phạm và chứng minh hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền nhân thân của mình. Hơn thế nữa, việc phân tích đặc điểm của hành vi xâm phạm sẽ giúp cho việc tìm các biện pháp khôi phục lại các giá trị nhân thân bị xâm phạm.

Đối với các quyền thuộc nhóm thứ nhất thì chính chủ thể quyền là người bị hành vi

xâm phạm tác động tới. Hậu quả mà hành vi này mang lại là những tổn thất trực tiếp gây ra đối với chủ thể quyền (tính mạng, sức khoẻ, thân thể...) hoặc những khó khăn ngăn cản chủ thể quyền thực hiện hành vi liên quan đến quyền nhân thân của mình (đi lại, lao động, sáng tạo, kết hôn, li hôn...). Quá trình khắc phục thiệt hại chủ yếu được thực hiện đối với chính chủ thể quyền như chăm sóc, chữa bệnh, phục hồi sức khoẻ, xin lỗi, chấm dứt hành vi cản trở... (Riêng đối với trường hợp xâm phạm tính mạng thì việc khôi phục tính mạng là không thực hiện được, trách nhiệm bồi thường khi đó được thực hiện cho những người thân thích của chủ thể quyền).

Đối với các quyền thuộc nhóm thứ hai thì hành vi xâm hại lại không tác động vào chính chủ thể quyền mà tác động vào các chủ thể khác làm ảnh hưởng đến sự nhìn nhận, đánh giá của các chủ thể khác về cá nhân chủ thể mang quyền (tung tin thất thiệt xúc phạm danh dự, giảm uy tín của chủ thể quyền, công bố trái phép tác phẩm của tác giả trước công chúng...). Những thiệt hại mà chủ thể quyền phải gánh chịu có thể được khắc phục bằng việc cải chính, xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để xoá đi sự nhìn nhận tiêu cực của các chủ thể khác đối với chủ thể quyền do hành vi xâm hại gây ra.

Đối với các quyền thuộc nhóm thứ ba thì hành vi lại không tác động vào các chủ thể nói chung mà tác động vào vật phẩm có liên quan đến quyền của chủ thể quyền (thư tín, chỗ ở, sách báo và các ấn phẩm mang tác phẩm...). Những thiệt hại do hành vi này

gây ra có thể được khắc phục phần nào thông qua tác động đến các vật phẩm đó như việc thu hồi ấn phẩm, trả lại thư tín, sửa chữa thông tin trong li lịch...

Cần lưu ý rằng trong cách phân loại này có sự giao thoa nhất định giữa các nhóm. Có những quyền nhân thân thuộc cả hai nhóm trong ba nhóm nêu trên. *Ví dụ:* Hành vi xâm phạm bí mật đời tư có thể biểu hiện bằng hành vi tác động vào các chủ thể khác (công bố thông tin đời tư) cũng như bằng hành vi tác động vào vật phẩm mang thông tin về bí mật đời tư (bóc mờ thư tín, điện tin...).

Thứ sáu, dựa vào phương thức bảo vệ mà các quyền nhân thân được phân thành hai nhóm: Nhóm các quyền được bảo vệ khi có yêu cầu và nhóm được bảo vệ không phụ thuộc vào yêu cầu.

Nhóm các quyền được bảo vệ khi có yêu cầu bao gồm: Quyền đối với họ tên; quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với hình ảnh; quyền hiến bộ phận cơ thể; quyền nhận bộ phận cơ thể người; quyền xác định lại giới tính; quyền được bảo vệ danh dự, uy tín; quyền bí mật đời tư; quyền kết hôn; quyền bình đẳng vợ chồng; quyền li hôn; quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con; quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi; quyền đối với quốc tịch; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do đi lại, tự do cư trú; quyền lao động, quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu, sáng tạo; quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền dùng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi

tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm.

Nhóm được bảo vệ không phụ thuộc vào yêu cầu bao gồm: Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền được bảo vệ nhân phẩm; quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình.

Việc phân loại này có ý nghĩa trong việc xác định cơ chế bảo vệ hiệu quả các quyền nhân thân. Đối với các quyền nhân thân thuộc nhóm thứ nhất thì chủ thể quyền chính là người đánh giá xem các quyền nhân thân của mình có bị xâm phạm hay không, tự quyết định có yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm hay không. Nhà nước sẽ chỉ can thiệp và bảo vệ khi có yêu cầu. Trong cuộc sống hàng ngày diễn ra vô số các vụ xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhưng số vụ án liên quan đến xâm phạm danh dự mà toà án giải quyết thì không nhiều, bởi lẽ chỉ khi nào có yêu cầu của chủ thể quyền thì Nhà nước mới can thiệp. Yêu cầu ở đây có thể là của chính chủ thể quyền hay của những người thân thích (khi chủ thể quyền không còn nữa hoặc không đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

Nhưng đối với các quyền nhân thân thuộc nhóm thứ hai thì Nhà nước sẽ chủ động can thiệp, chống lại hành vi xâm phạm ngay cả khi không có yêu cầu. Ví dụ như các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, thân thể của người khác, các hành vi bạo lực, xâm phạm nhân phẩm hay các hành vi xâm phạm quyền được hưởng sự chăm sóc của trẻ em... /.

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP... (tiếp theo trang 7)

Điều 24, khoản 3 Điều 41 Bộ luật lao động, khoản 3 Điều 37 Luật dạy nghề thì trường hợp doanh nghiệp nhận người vào học nghề để làm việc cho doanh nghiệp, nếu người học nghề không làm việc theo cam kết thì phải bồi thường chi phí dạy nghề. Mức bồi thường do hai bên thoả thuận (được xác định trong hợp đồng học nghề).

Tuy nhiên, theo Điều 13 Nghị định của Chính phủ số 44/2003/NĐ-CP ngày 9/5/2003 trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hợp pháp khi chưa làm việc hết thời hạn đã cam kết với doanh nghiệp trong hợp đồng học nghề không phải bồi thường chi phí dạy nghề. Hướng dẫn này trái với các điều luật trên và thiếu sức thuyết phục trong trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động không do lỗi của người sử dụng lao động. Vì thế đã gây không ít khó khăn, tổn thất cho các doanh nghiệp, nhất là khi người lao động bỏ đi làm việc cho doanh nghiệp khác.

Bốn là cần đảm bảo tính liên thông về các cấp độ đào tạo trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề và đào tạo lại nghề cho người lao động tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải đảm bảo cho người học nghề khi chuyển từ trình độ đào tạo thấp lên trình độ cao hơn cùng ngành nghề hoặc khi chuyển sang học ngành nghề, trình độ đào tạo khác thì không phải học lại những nội dung đã học. Như vậy sẽ tránh được lãng phí về thời gian, tiền bạc, tạo điều kiện cho người học nghề có cơ hội học tập suốt đời mà không ảnh hưởng tới thu nhập, việc làm của họ./.